

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:89/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1951 và Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952 (chết); anh chị em có 07 người, bị cáo là người thứ ba; có vợ tên Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2005;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 11/11/1999, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Hủy hoại tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt.

+ Ngày 27/8/2009, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2018 cho đến nay;

Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1948; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Trần Văn H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

Anh Trần Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

Chị Thái Thị Thu T, sinh năm 1982; (vắng mặt).

Chị Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1985. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 11/3/2018, Trần Văn H uống rượu cùng một số người thân trước cửa nhà cô bảy H gần chùa T (thuộc ấp P, xã Đ, huyện A). Sau khi uống rượu khoảng một giờ thì H đi vệ sinh và thời điểm này cũng hết rượu nên H nảy sinh ý định đi lấy rượu ở nhà ông Trần Văn H để về uống tiếp. Khi đi vệ sinh xong, H một mình đi bộ đến nhà ông H và trèo lên gian nhà bếp vào nhà ông H, H đèn tử rượu lấy 06 chai rượu gồm: 03 chai rượu Black Label 12; 02 chai rượu Chivas Regal 25 và 01 chai rượu Chivas Regal 18 để ra bên ngoài gần vị trí bàn thông thiên, thì bị ông H phát hiện nên H cầm 04 chai rượu gồm: 02 chai rượu Chivas Regal 25 và 02 chai rượu Black Label 12 chạy về nhà cô bảy H cất giấu rượu và ngủ đến sáng.

Khoảng 06 giờ ngày 12/3/2018, H để 02 chai rượu Chivas Regal 25 và 01 chai rượu Black Label 12 vào bọc nilon màu trắng, còn 01 chai rượu Black Label 12 thì H cầm bên ngoài. Sau đó, H đem toàn bộ số rượu đi ra chân cầu C đón xe đò đến nhà của Trần Văn T thuộc phường V, thành phố C. Khi đến nhà T, H gửi 03 chai rượu để trong bọc nilon cho T và 01 chai rượu Black Label 12 để ở nhà ông Trần Văn H (cậu sáu của H). Sau đó, H đón xe đò về ấp P, xã Đ thì bị Công an xã Đ, huyện A mời về trụ sở làm việc. Tại Công an xã Đ, H thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt rượu của ông Trần Văn H.

Kết luận về việc định giá tài sản số 16 cùng ngày 14/3/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

- 02 (hai) chai rượu Chivas Regad 25 years ORIGINAL LEDEND, BOTTLENO: 891169 VÀ 891170 (chưa sử dụng), có giá trị 12.000.000 đồng.

- 03 (ba) chai rượu Black Label, mã vạch 5000267023601 (chưa sử dụng), có giá trị 2.400.000 đồng.

- 01 (một) chai rượu Chivas Regad 18 years (chưa sử dụng), có giá trị 2.400.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là: 16.800.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản bị cáo chiếm đoạt và đã trao trả cho ông Trần Văn H ngày 15/3/2018.

Cáo trạng số 21/VKS-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố, mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì khác, nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người tham gia tố tụng này tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại không có ý kiến. Xét việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này là phù hợp quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét thấy lời thú nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Căn cứ vào các lời khai, Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản số 16/KL.TSĐGTTTHS ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ ngày 11/3/2018, bị cáo Trần Văn H đã có hành vi lén lút vào nhà của ông Trần Văn Hiếu tại ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang chiếm đoạt 06 chai rượu có tổng giá trị 16.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đối với Trần Văn H là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất vụ án: Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, những ai có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực hành vi, đã có vợ con nhưng không lo chí thú làm ăn. Bị cáo hoàn toàn hiểu được, việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực thiện vì mục đích vụ lợi. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng mức độ không lớn, động cơ phạm tội đơn giản chỉ vì muốn có rượu để uống. Tuy nhiên, dù với động cơ, mục đích gì thì hành vi của bị cáo H vẫn coi là vi phạm pháp luật hình sự, cần được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt:

Về nhân thân:

Năm 1999 và năm 2009, bị cáo từng bị kết án về các hành vi “*Hủy hoại tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*” với tổng thời gian 03 năm 06 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và thuộc trường hợp đương

nhiên xóa án theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị coi có nhân thân xấu; có tính xem thường pháp luật và chưa thật sự có ý chí phục thiện. Tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại (chưa gây thiệt hại về tài sản). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo.

Với tính nguy hiểm của hành vi; nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết áp dụng hình phạt tù, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Bị hại đã nhận lại được toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt trong giai đoạn điều tra và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo vay mượn của anh T là thuộc lĩnh vực dân sự, anh T không có yêu cầu bị cáo trả lại, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Khi bị cáo đến nhà anh Trần Văn H, anh Trần Văn T để gửi tài sản chiếm đoạt, anh H và anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh H và anh T là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/3/2018 (ngày mười hai tháng ba năm hai nghìn không trăm mười tám).

- Căn cứ các điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo H, bị hại Trần Văn H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn H, anh Nguyễn Văn B, anh Trần Văn T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện A (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện A (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu